

Số: 57/2023/QĐST-HNGĐ

C K, ngày 27 tháng 01 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 12/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình, giữa:

1- **Nguyên đơn:** Anh T N T S, sinh năm 1973

2- **Bị đơn:** Chị Đ N H, sinh năm 1976

Đều trú tại: khu T, xã C D, huyện C K, tỉnh P T

3- **Người có quyền lợi liên quan đến vụ án:** Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện C K. Địa chỉ: Thị trấn S, huyện C K, tỉnh P T.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông H M T - Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện C K, tỉnh P T (*giấy uỷ quyền ngày 04/01/2022*)

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 37, Điều 55, Điều 58, khoản 1 Điều 59; Điều 60 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 26; điểm a, d khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 01 năm 2023.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 01 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh T N T S và chị Đ N H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Đ N H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu T Đ D , sinh ngày 02/09/2009, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị H không yêu cầu. Anh T N T S có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T Đ L , sinh ngày 25/8/2002 số tiền 5.000.000đ/tháng cho đến khi cháu L học xong đại học và lao động tự túc được.

Hai bên có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Chị Đ N H được quyền sử dụng thửa đất số 150-5; tờ bản đồ số 18 (theo VN 2000 là thửa đất số 734, tờ bản đồ số 10); Diện tích 472 m<sup>2</sup>, đo đạc theo hiện trạng diện tích là 611,8 m<sup>2</sup> (Hiện trạng thửa đất tăng 139,8 m<sup>2</sup> do sai số đo đạc). Trong đó: đất ở 400 m<sup>2</sup>; đất trồng cây lâu năm 72,0 m<sup>2</sup>) và các tài sản gắn liền với thửa đất. Được UBND huyện C K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO189801 ngày 15/4/2009. Địa chỉ thửa đất: xóm T , xã C D , huyện C K , tỉnh P T (Có chỉ giới và các phía tiếp giáp như sơ đồ trích lục kèm theo) và được quyền sử dụng các tài sản trên thửa đất, gồm:

+ 01 ngôi nhà xây cấp 4 tường gạch chỉ, trần bê tông cốt thép, tường và nền nhà ốp gỗ, cửa gỗ, diện tích 193,8 m<sup>2</sup>

+ 01 Sân trước nhà lát gạch đỏ, diện tích 57 m<sup>2</sup>;

+ 01 nhà để xe tường gạch chỉ, trát xi măng, lợp mái tôn, diện tích 22,5 m<sup>2</sup>;

+ 01 nhà kho, tường xây gạch chỉ, trát xi măng, lợp mái tôn, diện tích 15 m<sup>2</sup>;

+ Hệ thống chuồng lợn, chuồng gà tường xây gạch chỉ, trát xi măng, lợp Blôxi măng; diện tích 17,4 m<sup>2</sup>

+ Hệ thống tường rào bao quanh nhà hết đất, tường xây gạch chỉ không trát, chiều cao trung bình 2,0 m.

+ 01 cổng xây gạch chỉ, không trát, cổng sắt.

- Anh T N T S được quyền sử dụng thửa đất số 220; tờ bản đồ số 17; diện tích 1.024,3m<sup>2</sup> (Trong đó: đất ở 300 m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 724,3m<sup>2</sup>). Được UBND huyện C K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD254650 ngày 05 tháng 4 năm 2022. Địa chỉ thửa đất: Khu T , xã C D , huyện C K , tỉnh P T (Có chỉ giới và các phía tiếp giáp như sơ đồ trích lục kèm theo). Anh S có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên theo quy định của pháp luật. Anh S được quyền sử dụng các tài sản, gồm:

+ 01 sập gỗ Mít;

+ 01 bộ bàn ghế gỗ Mít (01 đi văng, 02 ghế đơn, 02 đôn, 01 bàn giữa) và toàn bộ cây cối trên thửa đất số 220, tờ bản đồ 17.

Chị H và anh S không ai phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản chung bằng tiền cho nhau.

2.3. *Về nghĩa vụ chung về tài sản:* Ghi nhận sự tự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Chị Đ N H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện C K số tiền gốc 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) và lãi xuất theo Hợp đồng tín dụng số 2712-LAV-202000396 ngày 20/02/2020. Anh T N T S có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch trả nợ cho chị H số tiền gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), không lãi suất vào ngày 28/2/2023.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 202000021/HĐTC ngày 19/02/2020 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và anh T N T S. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng thửa đất số 150-5; tờ bản đồ số 18 (theo VN 2000 là thửa đất số 734, tờ bản đồ số 10), diện tích 472,0 m<sup>2</sup> (Hiện trạng diện tích là 611,8 m<sup>2</sup> (Trong đó: đất ở 400 m<sup>2</sup>; đất trồng cây lâu năm 211,8 m<sup>2</sup>) và các tài sản gắn liền với thửa đất mang tên anh T N T S và chị Đ N H. Được UBND huyện C K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 189801 ngày 15/4/2009. Địa chỉ thửa đất: xóm T, xã C D, huyện C K, tỉnh P T

Tài sản trên đất là: 01 nhà xây cấp bốn trên thửa đất và cây cối lâm lộc trên đất.

*Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, chị H có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên theo quy định của pháp luật.*

- Anh T N T S có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện C K số tiền gốc 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) theo Hợp đồng thấu chi số 2712LAV202202618 ngày 19/9/2022 đứng tên anh T N T S. Chị Đ N H không phải thanh toán chênh lệch trả nợ cho anh S.

2.4. *Về Công sức:* Hai bên xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.5. *Về án phí:* Anh T N T S xin chịu cả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí. Trong đó án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007974 ngày 06/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C K. Anh T N T S đã nộp đủ tiền án phí.

*Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi*

*hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Thi hành án DS;
- UBND xã C;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**THẨM PHÁN**

**Đỗ Thị Thảo**